**UBND QUẬN BÌNH THẠNH**

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**LÊ VĂN TÁM**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản ngắn. (Ngữ liệu ngoài sgk) | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | **0** | **40** |
| **2** | **Viết** | Kể chuyện theo sách, báo. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 2\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***10*** | ***5*** | ***10*** | ***5*** | ***0*** | ***50*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **15%** | | **25%** | | **50%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **40%** | | | | **60%** | | | |

UBND QUẬN BÌNH THẠNH

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**LÊ VĂN TÁM**

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI:** **90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản ngắn | **Nhận biết:**  - Nhận biết được phương thức biểu đạt, hình ảnh, chi tiết được sử dụng trong văn bản…  - Nhận biết được các biện phá tu từ từ vựng.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải, liên hệ được vấn đề có liên quan.  - Hiểu và rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Nhận xét, nêu suy nghĩ về nội dung trong đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Cảm nhận được nội dung, ý nghĩa của hình ảnh, chi tiết xuất hiện trong văn bản  - Trình bày quan điểm, suy nghĩ, bài học rút ra cho bản thân về vấn đề dặt ra trong văn bản. | 2TN | 2TN | 4TL |  |
| **2** | **Viết** | Văn tự sự kể chuyện từ sách, báo, đài. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  - Học sinh tạo lập văn bản tự sự để kể lại một câu chuyện từ sách, báo, đài với các chủ đề: Ý chí, nghị lực |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **2TN** | **2TN** | **4TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***10*** | ***10*** | ***40*** | ***40*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **40 %** | | **60%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN BÌNH THẠNH  **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ VĂN TÁM** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **MÔN NGỮ VĂN 9**  Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề) |

**Phần I. Đọc – Hiểu** (4 điểm)

**Đọc kĩ văn bản sau:**

*Một chàng trai trẻ đến xin học một ông giáo già với tâm trạng bi quan và chỉ thích phàn nàn. Đối với anh, cuộc sống là một chuỗi ngày buồn chán, không có gì thú vị. Một lần, khi chàng trai than phiền về việc mình học mãi mà không tiến bộ, người thầy im lặng lắng nghe rồi đưa cho anh một thìa muối thật đầy và một cốc nước nhỏ.*

*- Con cho thìa muối này vào cốc nước và uống thử đi.*

*Lập tức, chàng trai làm theo.*

*- Cốc nước mặn chát. Chàng trai trả lời.*

*Người thầy lại dẫn anh ra một hồ nước gần đó và đổ một thìa muối đầy xuống nước:*

*- Bây giờ con hãy nếm thử nước trong hồ đi.*

*- Nước trong hồ vẫn vậy thôi, thưa thầy. Nó chẳng hề mặn lên chút nào - Chàng trai nói khi múc một ít nước dưới hồ và nếm thử.*

*Người thầy chậm rãi nói:*

*- Con của ta, ai cũng có lúc gặp khó khăn trong cuộc sống. Và những khó khăn đó giống như thìa muối này đây, nhưng mỗi người hòa tan nó theo một cách khác nhau. Những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm họ mất đi niềm vui và sự yêu đời. Nhưng với những người tâm hồn chỉ nhỏ như một cốc nước, họ sẽ tự biến cuộc sống của mình trở thành đắng chát và chẳng bao giờ học được điều gì có ích.*

(Theo Câu chuyện về những hạt muối- vietnamnetVm, 17/06/2015)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

1. Tự sự. b. Miêu tả. c. Biểu cảm. d. Nghị luận

**Câu 2:** Trong câu chuyện, khi chàng trai than phiền về việc mình học mãi mà không tiến bộ, người thầy đã làm gì?

1. Người thầy đổ một thìa muối đầy xuống hồ nước.
2. Người thầy khuyên anh không nên bi quan và chán nản.
3. Người thầy im lặng lắng nghe rồi đưa cho anh một thìa muối thật đầy và một cốc nước nhỏ.
4. Người thầy im lặng ngồi lắng nghe.

**Câu 3:** Theo em, vì sao người thầy lại lấy thìa muối đổ vào cốc nước và đổ xuống hồ?

1. Vì thầy muốn chàng trai biết được làm sao nước có thể mặn lên.
2. Vì thầy muốn chàng trai hiểu được cách tiếp nhận bài học trong cuộc sống.
3. Vì thầy muốn nói với chàng trai những điều bất ngờ và thú vị.
4. Vì thầy muốn chàng trai biết vai trò của nước trong cuộc sống con người.

**Câu 4:** Trong câu *Những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm họ mất đi niềm vui và sự yêu đời* sử dụng biện pháp tu từ gì?

a. Nhân hóa b. So sánh. c. Nói quá d. Hoán dụ.

**Câu 5:** Ý nghĩa rút ra từ câu chuyện trên là gì?

**Câu 6:** Từ câu chuyện, em rút ra bài học gì cho bản thân

**Phần II. Tập Làm văn** (6 điểm)

**Câu 1**: Từ nội dung câu chuyện phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn ngắn (Khoảng 10 câu) nói lên suy nghĩ của mình về tinh thần lạc quan trong cuộc sống.

**Câu 2:** Em hãy kể 1 câu chuyện mà em đọc được từ sách, báo về ý chí nghị lực.

-------------------------HẾT-------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN BÌNH THẠNH  **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ VĂN TÁM** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **MÔN NGỮ VĂN 9** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I. Đọc – Hiểu: (4điểm)**

1. **Trắc nghiệm (Mỗi đáp án đúng 0.5 điểm)**

Câu 1a Câu 2a Câu 3b. Câu 4b

1. **Trả lời câu hỏi.**

**Câu 5**. (1 điểm) HS trả lời được các ý:

* Cuộc sống luôn có những khó khăn và thử thách và thành công phụ thuộc rất lớn vào thái độ sống của mỗi người.
* Mỗi người cần có thái độ sống tích cực, lạc quan, yêu đời.

*\* GV tôn trọng ý kiến hợp lí của HS*

**Câu 6. (1 điểm)** HS trả lời được các ý:

* Luôn có thái độ sống tích cực, lạc quan.
* Luôn có niềm tin, ý chí nghị lực vươn lên.
* Biết chấp nhận những khó khăn, thử thách và vượt qua bằng sự cố gắng của mình.

*(HS trả lời 2 ý là chấp nhận. GV tôn trọng ý kiến hợp lí của HS)*

**Phần II. Tập làm văn: (6điểm)**

**Câu 1:** (2 điểm) HS viết được đoạn văn theo yêu cầu

\* Hình thức: 0.5 điểm

\* Nội dung: 1.5 điểm

+ Mở đoạn: Giới thiệu khái quát vấn đề. (0.25 điểm)

+ Thân đoạn: 1.0 điểm

Giải thích vấn đề (0.25 điểm)

Bàn luận (0.5 điểm)1 dẫn chứng để làm sáng tỏ lí lẽ (0.25 điểm)

+ Kết đoạn: Liên hệ bản thân, kêu gọi hành động (0.25 điểm)

**Câu 2.** (4 điểm)

***1. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự***: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. (0.25 điểm)

***2. Xác định đúng yêu cầu của đề***: HS kể câu chuyện từ sách, báo.(0.25 điểm)

***3. Kể lại câu chuyện về ý chí nghị lực*** (3.0 điểm)

**I) Mở bài:**

- Nêu tình huống dẫn dắt, giới thiệu vấn đề ấn tượng, có sự sáng tạo.

- Giới thiệu được câu chuyện về ý chí, nghị lực (tác giả, tên sách, tên câu chuyện, khái quát nội dung câu chuyện …)

**II) Thân bài:**

1) Kể lại câu chuyện về ý chí, nghị lực theo một trình tự hợp lí.

2) Ý nghĩa của câu chuyện.

3) Bài học nhận thức và hành động: Câu chuyện đã làm thay đổi bản thân em như thế nào.

**III) Kết bài:**

- Khẳng định lại ý nghĩa của câu chuyện.

- Liên hệ bản thân.

***4. Chính tả, ngữ pháp:*** Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. (0.25 điểm)

***5. Sáng tạo:*** Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. (0.25 điểm)

*\*Lưu ý:* GV tôn trọng cách dẫn dắt và cách kể sáng tạo của học sinh.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*